TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v " Ly hôn, quyền nuôi con,
tranh chấp tài sản chung và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Bà Trương Thị Minh Lợi
- Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc *"Ly hôn, quyền nuôi con, tranh chấp tài sản chung và nợ chung,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX ngày 01/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm: 1989
Địa chỉ: khu phố 14, thị trấn Liên Hương, huyện T, Bình Thuận.
- Bị đơn: ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1978
Địa chỉ: khu phố 14, thị trấn Liên Hương, huyện T, Bình Thuận.
(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam** (Agribank)
Địa chỉ: số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
+ Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn Thành – Chức vụ: Tổng giám đốc.
+ Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Văn Phong - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T; ông Phong ủy quyền lại cho ông **Phạm Đỉnh** - Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T
Địa chỉ trụ sở: đường 17/4, thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
(Ông Đỉnh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 265, ngày 15/10/2018. Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T thường uống rượu say sưa về nhà đánh đập bà, ngoài ra ông T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, từ tháng 2/2021 vợ chồng đã tự sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, chứ bà không đồng ý đoàn tụ.

- *Về con chung*: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền - sinh ngày 15/02/2017, hiện đang ở với bà, nguyện vọng của bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi thành niên. Bà T yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung:*bà thừa nhận có nhận các tài sản chung sau đây:

+ Theo ông T khai, số tiền mượn của ông Lưu Văn Đen 24.000.000 đồng. Bà thừa nhận có giữ 17000.000 đồng.

+ Theo ông T khai vợ chồng có đóng tiền kinh doanh sạp chợ 02 quý tại thị xã LaGi số tiền 11.000.000 đồng. Bà thừa nhận có đóng số tiền 4.500.000 đồng.

+ Theo ông T khai vợ chồng có 03 bộ còng vàng tay 18k trị giá 36.000.000 đồng; 02 bộ còng vàng y 24k, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng y 24k. Bà thừa nhận chỉ còn 06 chỉ vàng y 24K.

+ Vợ chồng có 03 lô đất; tọa lạc tại khu phố 14, thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận, đất này mua giấy tay nên tự thỏa thuận, không tranh chấp tài sản này.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân một mình bà phải nuôi con, nên bà đã bán hết để nuôi con hiện nay không còn nữa.

- *Về nợ chung:* nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp & PTNT chi nhánh T nợ gốc 40.000.000 đồng, chưa tính lãi phát sinh. Yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả ½ số nợ và bà trả ½ số nợ.

***Ông Nguyễn Văn T trình bày:**

- *Về hôn nhân*: ông và bà Nguyễn Thị Ánh T xác lập quan hệ vợ chồng (chồng chấp vợ nối) từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 265, ngày 15/10/2018. Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, bà T không tôn trọng ông và không chung thủy, hiện bà T đã sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Nay ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, tại Tòa hôm nay, ông chấp nhận ly hôn với bà T, ông không đồng ý đoàn tụ.

- *Về con chung*: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền - sinh ngày 15/02/2017 hiện đang ở với bà T. Ông đồng ý giao con cho bà T tiếp tục được quyền nuôi con, ông chấp nhận cấp dưỡng tiền cho bà T nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

- *Về tài sản chung:* theo bà T khai là không có, ông không đồng ý vì trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập tài sản chung, như sau:

+ Số tiền ông mượn của ông Lưu Văn Đen 24.000.000 đồng để xoay sở cá nhân nhưng bà T tự ý lấy số tiền này của ông.

+ Vợ chồng có đóng tiền kinh doanh sạp chợ 02 quý tại thị xã LaGi số tiền 11.000.000 đồng.

+ Vợ chồng có 03 bộ còng vàng tay 18k trị giá 36.000.000 đồng; 02 bộ còng vàng y 24k, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng y 24k; trị giá 02 loại trên là 33.000.000 đồng. Tổng cộng là 69.000.000 đồng.

+ 03 lô đất tọa lạc tại khu phố 14, thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận, đất này vợ chồng mua bằng giấy tay, nên tự thỏa thuận, không tranh chấp tài sản này.

- *Về nợ chung:* vợ chồng có vay của Ngân hàng nông nghiệp & PTNT chi nhánh T 40.000.000 đồng, chưa tính lãi phát sinh.

Nếu ly hôn ông tranh chấp tài sản chung, yêu cầu bà T hoàn lại cho ông 14.000.000 đồng và ông chấp nhận trả ½ nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T theo yêu cầu của bà T cũng như Ngân hàng.

*** Ông Phạm Đỉnh trình bày**: vào năm 2020 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn T có vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T, theo hợp đồng tín dụng số 4808-LAV-202007834 ngày 04/122020, với số tiền 40.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay để mua sắm lưới đi biển, thời hạn 12 tháng (đến hết ngày 04/12/2021), lãi suất tại thời điển vay là 9% /năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lải suất trong hạn. Vợ chồng bà T có trả lãi đến ngày 07/4/2021, chưa trả nợ gốc.

Nay vợ chồng bà T, ông T ra tòa ly hôn, Ngân hàng yêu cầu bà T và ông T phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 08/4/2021 đến nay 17/01/2023 là 7.352.877 đồng, được chia phần mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

+*Về hôn nhân:* công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với ông Nguyễn Văn T.

+*Về con chung:* công nhận sự thỏa thuận của các đượng sự, giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền - sinh ngày 15/02/2017 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

+ *Về tài sản chung*: đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Ánh T,

+ *Về nợ chung:* chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ánh T.

Bà T và ông T mỗi người phải trả với số nợ gốc là 20.000.000 đồng và 3.676.438 đồng nợ lãi cho Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T.

+ *Về án phí:* bà T và ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông T phải trả ½ số nợ chung, phía bị đơn ông T yêu cầu phản tố tranh chấp yêu cầu chia tài sản. Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và nơi cư trú của các đương sự, thì đây là vụ kiện *"Ly hôn, quyền nuôi con, tranh chấp tài sản chung và nợ chung* " được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Nguyễn Văn T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 265, ngày 15/10/2018, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. bà T khai, trong thời gian chung sống, ông T thường uống rượu say sưa về nhà đánh đập bà, ngoài ra ông T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, còn theo ông T khai là vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà T không tôn trọng ông và không chung thủy, hiện bà T đã sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Trong quá trình hòa giải và cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, chứng tỏ hôn nhân của họ lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, bà T yêu cầu ly hôn được ông T chấp nhận, nên Hội đồng xét xử, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông T.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền - sinh ngày 15/02/2017. Nguyện vọng của bà T xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục

con cho đến khi thành niên. Tại phiên tòa hôm nay bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này được ông T chấp nhận, nên Hội đồng xét xử, công nhận sự thỏa thuận của bà T và ông T.

[2.3] Về tài sản chung: Trong đơn xin ly hôn bà T khai là không có tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ ông T khai là vợ chồng có tài sản chung do bà T giữ gồm:

+ Số tiền ông mượn của ông Lưu Văn Đen 24.000.000 đồng để xoay sở cá nhân nhưng bà T tự ý lấy số tiền này của ông.

+ Vợ chồng có đóng số tiền 11.000.000 đồng đóng tiền kinh doanh sạp chợ 02 quý tại thị xã LaGi.

+ 03 bộ còng vàng tay 18k trị giá 36.000.000 đồng; 02 bộ còng vàng y 24k, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng y 24k; trị giá 02 loại trên là 33.000.000 đồng.

+ 03 lô đất; tọa lạc tại khu phố 14, thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận (tự thỏa thuận, không tranh chấp tài sản này).

Ông T tranh chấp tài sản chung, yêu cầu bà T phải hoàn lại cho ông ½ giá trị tài sản.

*Bà T thừa nhận bà có nhận giữ số tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Theo ông T khai, số tiền mượn của ông Lưu Văn Đen 24.000.000 đồng. Bà T thừa nhận có giữ 17000.000 đồng.

+ Theo ông T khai vợ chồng có đóng số tiền 11.000.000 đồng đóng tiền kinh doanh sạp chợ 02 quý tại thị xã LaGi. Bà T thừa nhận có đóng số tiền 4.500.000 đồng

+ Theo ông T khai 03 bộ còng vàng tay 18k trị giá 36.000.000 đồng; 02 bộ còng vàng y 24k, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng y 24k. Bà T thừa nhận chỉ còn 06 chỉ vàng y 24k.

Bà đã bán nuôi con hiện nay không còn nữa, nên không có tiền hoàn lại cho ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, qua hòa giải ông T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu tranh chấp tài sản chung đối với bà T, được bà T chấp nhận, nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu tranh chấp tài sản chung của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Ánh T và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông T.

[2.4] Về nợ chung: bà T và ông T mỗi người phải trả cho Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T, với số nợ là 23.676.438 đồng (gốc là 20.000.000 đồng và 3.676.438 đồng nợ lãi tính đến ngày 17/01/2023)

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

+ Về con chung: giao cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền - sinh ngày 15/02/2017 cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không được ngăn cản ông T quyền thăm nôm và chăm sóc con chung.

+ Về tài sản chung: đình chỉ yêu cầu tranh chấp tài sản chung của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Ánh T,

+ Về nợ chung: chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đối với bà Nguyễn Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn T.

Bà T và ông T mỗi người phải trả cho Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T, với số nợ là 23.676.438 đồng (gốc là 20.000.000 đồng và 3.676.438 đồng nợ lãi tính đến ngày 17/01/2023)

Kể từ ngày 18/01/2023 bà T và ông T mỗi người còn phải tiếp tục trả ½ lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 4808-LAV-202007834 ngày 04/12/2020 của Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T.

+ Về án phí:

Bà T phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.184.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tiếp tục tạm giữ số tiền 1.600.000đ tạm ứng án phí của bà T đã nộp, tại biên lai thu tiền số 0003176 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, để đảm bảo cho việc thi hành án phí; ông T phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.184.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả số tiền 655.000đ tạm ứng án phí (tranh chấp tài sản) của ông T đã nộp, tại biên lai thu tiền số 0011885 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Agribank – Chi nhánh T số tiền 1.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền số 0011777 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2023). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS (tỉnh + huyện);
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch